

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ A
TỈNH B**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 42/2018/HS-ST
Ngày 06-9-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A, TỈNH B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thái Văn Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Minh Chiến

Bà Nguyễn Thị Thảo

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ái Phương – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh B

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A, tỉnh B tham gia phiên tòa: Ông Võ Minh Thoại- Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 44/2018/TLST-HS ngày 17 tháng 8 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2018/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 8 năm 2018 đối với bị cáo:

Hộ và tên: Nguyễn Đình C, sinh năm 1983 tại thị xã A, tỉnh B; nơi cư trú: Số 34, đường T, phường Đ, thị xã A, tỉnh B; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Hải A (chết) và bà Tô Thị C1 (chết); có vợ là Nguyễn Nữ T, sinh năm 1987 (đã ly hôn), con có 02 người, lớn sinh năm 2009, nhỏ sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: không. Nhân thân: Ngày 04/8/2011, bị Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa xử phạt 06 tháng tù về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” tại Bản án số 170/2011/HSST. Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

*** Người bị hại:** Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1984; nơi cư trú: Số nhà 47/15, đường N, phường Đ, thị xã A, tỉnh B, vắng mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Anh Đoàn Ngọc D, sinh năm 1974; nơi cư trú: Số nhà 28, đường T, phường N, thị xã A, tỉnh B, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ 30 phút ngày 22/5/2018, Nguyễn Đình C đến cửa hàng mua bán đồ cổ “Đồng Phú” ở thôn T, xã N, thị xã A, tỉnh B do anh Nguyễn Văn L làm chủ để

mua đồ cổ, nhưng không mua được, nên C ra về. Đến khoảng 13 giờ 30 phút cùng ngày, C quay lại cửa hàng đồ cổ “Đ P” để hỏi mua đồ cổ. Khi đến nơi, C thấy anh L đang nằm ngủ trên giường xếp, ở giữa quầy bán hàng, bên cạnh anh L có 01 điện thoại di động Iphone 5s màu trắng-bạc để trên đầu giường, nên C nảy sinh ý định trộm chiếc điện thoại này. C lén lút đến lấy chiếc điện thoại Iphone 5s bỏ vào túi quần rồi tẩu thoát. Sau đó, C đem chiếc điện thoại này bán cho cửa hàng điện thoại “T D” tại số 28, đường T, phường Nh, thị xã A do anh Đoàn Ngọc D làm chủ được 1.400.000đ.

Ngày 28/5/2018, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã A kết luận: 01 điện thoại di động Iphone 5s màu trắng-bạc tại thời điểm mất trị giá 2.800.000đ.

Vật chứng vụ án: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã A đã xử lý trả cho chủ sở hữu nhận lại xong.

Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra, anh Nguyễn Văn L đã nhận lại tài sản xong, không yêu cầu gì thêm; anh Đoàn Ngọc D đã nhận tiền bồi hoàn mua điện thoại Iphone 5s.

Tại bản Cáo trạng số 26/CT-VKSAN ngày 16 tháng 8 năm 2018 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã A đã truy tố bị cáo Nguyễn Đình C về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã A vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật Hình sự, tuyên phạt bị cáo Nguyễn Đình C từ 06 (sáu) đến 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ.

Về bồi thường thiệt hại: Người bị hại đã nhận lại tài sản, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đoàn Ngọc D cũng đã nhận tiền bồi hoàn, không yêu cầu gì khác, nên miễn xét.

Về xử lý vật chứng: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã A đã xử lý xong, nên miễn xét.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội phù hợp với nội bản cáo trạng đã truy tố.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã A, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã A, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến, khiếu nại gì về hành vi, quyết định đó. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp, đúng quy định pháp luật

[2] Xét về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Đình C khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của người bị hại cùng toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, thể hiện: Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 22/5/2018, bị cáo đến cửa hàng đồ cổ của anh Nguyễn Văn L để hỏi mua đồ cổ thì nhìn thấy anh L đang nằm ngủ trên giường xếp, bên cạnh có 01 điện thoại di động Iphone 5s màu trắng-bạc, nên nảy sinh ý định trộm cắp. Bị cáo đến chỗ giường xếp lén lút lấy điện thoại bỏ vào túi quần rồi tẩu thoát. Điện thoại trộm được, bị cáo đem bán cho anh Đoàn Ngọc D được 1.400.000đ. Hội đồng định giá trong xác định điện thoại di động Iphone 5s màu trắng-bạc của anh L tại thời điểm bị trộm có giá trị là 2.800.000đ, nên đủ căn cứ để Hội đồng xét xử kết luận bị cáo Nguyễn Đình C đã vào phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Nguyễn Đình C là một công dân đã trưởng thành, có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự và có đủ sức khỏe để lao động nhưng vì tham lam, tư lợi, bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở, mất cảnh giác của anh Nguyễn Văn L lén lút trộm cắp tài sản. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không chỉ xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người bị hại mà còn làm xáo trộn tình hình an ninh trật tự tại địa phương, nên cần xử lý bằng pháp luật hình sự.

Bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là tự nguyện bồi thường thiệt hại; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo có nơi cư trú rõ ràng; vợ chồng ly hôn, bị cáo phải trực tiếp nuôi dưỡng 01 người con dưới 4 tuổi, nên Hội đồng xét xử thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội cũng đủ trừng trị, răn đe đối với bị cáo và phòng ngừa chung.

[3] Về xử lý vật chứng: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã A đã xử lý xong, nên miễn xét.

[4] Về bồi thường thiệt hại: Người bị hại anh Nguyễn Văn L đã nhận lại tài sản, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đoàn Ngọc D cũng đã nhận tiền bồi thường, không ai yêu cầu gì khác, nên miễn xét.

[5] Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, bị cáo phải chịu 200.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật Hình sự;

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đình C phạm tội: “Trộm cắp tài sản”. Xử phạt bị cáo Nguyễn Đình C 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ. Thời gian cải tạo không giam giữ được tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Nguyễn Đình C cho UBND phường Đ, thị xã A giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo Nguyễn Đình C, do bị cáo không có thu nhập ổn định.

* Về xử lý vật chứng: Cơ quan cảnh sát Điều tra Công an thị xã A đã xử lý xong, nên miễn xét.

* Về bồi thường thiệt hại: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thỏa thuận giải quyết xong, không có yêu cầu gì khác, nên miễn xét.

* Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Nguyễn Đình C phải chịu 200.000đ.

* Quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai những người có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng những người vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

"Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B;
- VKSND tỉnh B;
- VKSND TX. A;
- Chi cục THADS thị xã A;
- Công an TX. A;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thái Văn Hà

